



GT.0000027185

VŨ ANH TUẤN (Chủ biên)
THU YẾN - TS. NGUYỄN VIỆT HÙNG
TS. PHẠM ĐẶNG XUÂN HƯƠNG

GIÁO TRÌNH VĂN HỌC DÂN GIAN

UYẾN
LIỆU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Tự học và tự đào tạo là nhu cầu của mỗi công dân trong xã hội học tập. Thông qua con đường tự học, mỗi cá nhân phát triển và tự hoàn thiện mình, đáp ứng yêu cầu và phục vụ xã hội ngày càng hiệu quả. Điều này càng đúng và cần thiết đối với các giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục – những người chăm lo đến sự nghiệp đào tạo nhân lực, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài.

Tự học, tự đào tạo, bên cạnh những nỗ lực cá nhân, không thể không có các tài liệu cần thiết, định hướng những nội dung cơ bản, thiết thực cho nhu cầu học tập. Xuất phát từ quan niệm đó, chúng tôi tổ chức biên soạn bộ giáo trình thiết yếu phục vụ cho nhu cầu học tập, tự học tập của giáo viên ngữ văn phổ thông.

Bộ giáo trình hướng tới nội dung học tập của các học phần được quy định trong chương trình đào tạo Cử nhân sư phạm Ngữ văn. Các giáo trình đều được biên soạn ngắn gọn, nhưng đảm bảo tính hệ thống và bao gồm những nội dung không thể thiếu trong mỗi môn học. Vẫn biết, để có một lượng kiến thức nhất định cho mỗi môn học, người học phải đọc không ít trang sách – cả giáo trình, cả tài liệu tham khảo – nhưng giá có được những cuốn sách định hướng nội dung kiến thức cần yếu thì người học sẽ nhanh chóng hơn trong quá trình tích lũy kiến thức của mỗi môn học. Đó chính là mục đích của bộ giáo trình này – cung cấp những nội dung cốt lõi, những kiến thức và kỹ năng cần thiết của mỗi môn học. Bên cạnh đó, bộ giáo trình này cũng kế thừa các giáo trình đã có và kịp thời bổ sung những kiến thức mới, cập nhật.

Với cách biên soạn hướng tới việc đáp ứng các nhu cầu của người học như vậy, chúng tôi cho rằng, mỗi cuốn giáo trình và cả bộ giáo trình này sẽ là những cẩm nang thiết thực giúp người học nhanh chóng nắm được

những kiến thức cơ bản của mỗi môn học và cả chương trình học. Với những kiến thức được coi là cốt lõi của mỗi môn học, người học chắc chắn sẽ biết cách bổ sung những kiến thức khác ở các tài liệu tham khảo được định hướng trong mỗi giáo trình để có được một hiểu biết đầy đủ và toàn diện về môn học.

Mặc dù hướng tới việc tự học và tự đào tạo, nhưng bộ giáo trình này cũng có thể được sử dụng trong việc học tập có hướng dẫn của giáo viên bộ môn, đặc biệt trong xu thế đào tạo theo tín chỉ – khi thời lượng tự học được tăng lên so với thời gian lên lớp thực tế.

Bên cạnh đó, bộ giáo trình cũng không chỉ là tài liệu cần thiết cho sinh viên, học viên ngành Sư phạm Ngữ văn mà còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên, học viên các ngành cử nhân Văn học, Ngôn ngữ, Việt Nam học và những ngành khác có liên quan.

Nhân dịp bộ giáo trình được xuất bản, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đồng nghiệp đã hỗ trợ và tạo điều kiện để bộ giáo trình được sớm ra mắt bạn đọc.

Hi vọng, với cách biên soạn giản dị, ngắn gọn, bộ giáo trình này sẽ giúp ích các bạn một cách hiệu quả trong điều kiện học tập hiện nay.

Lần đầu xuất bản, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng cũng khó tránh khỏi sai sót, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp, các bạn sinh viên và các độc giả để lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn. Thư góp ý xin gửi về Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội – 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội hoặc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 25 Hàn Thuyên, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Xin chân thành cảm ơn !

KHOA NGỮ VĂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Phần một:

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

I- VĂN HỌC DÂN GIAN VỪA LÀ VĂN HỌC VỪA LÀ VĂN HOÁ

Có một nhà nghiên cứu FOLKLORE (văn hoá dân gian) Việt Nam đã nêu lên một cách hiểu văn học dân gian (VHDG) vừa tinh tế, hóm hỉnh, vừa thực tế, sâu sắc rằng: Văn học dân gian đối với chúng ta cho đến những năm 80 của thế kỉ XX vẫn chỉ là một người lạ đã từ lâu quen biết. Mặc dù thuật ngữ văn học dân gian đã từng được Vũ Ngọc Phan đưa ra từ năm 1955 nhưng nhận thức về khái niệm, vai trò, đặc trưng và số phận của VHDG trong suốt thời gian từ thập kỉ 60 của thế kỉ trước đến nay vẫn còn là cả một quá trình. Và cùng với nó cũng là cả một quá trình đổi mới nội dung và phương pháp nghiên cứu, giảng dạy VHDG trong nhà trường ở mọi cấp học.

Không phải không có lí do mà chỉ từ sau Cách mạng tháng Tám (1945), VHDG trong nhà trường mới được chính thức quan niệm là một bộ phận hợp thành chính thể nền văn học của dân tộc. Trong suốt thời kì phong kiến độc lập tự chủ, VHDG không có chỗ đứng trong nhà trường. Phải đến đầu thế kỉ XX, sau khi công trình *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm được Bộ Giáo dục nhà nước thuộc địa dùng làm tài liệu chính thức giảng dạy trong nhà trường, việc nghiên cứu và giảng dạy VHDG mới bắt đầu được chú ý. Bởi vì trong cuốn sách này, lần đầu tiên có một học giả người Việt – Dương Quảng Hàm – đã để nhiều tâm lực biên soạn vào bộ phận VHDG mà ông gọi là văn chương truyền khẩu hoặc văn học bình dân. Cũng trong thời gian trên, góp phần nghiên cứu chuyên sâu vào bộ phận VHDG còn có Nguyễn Văn Huyền, Đào Duy Anh, Thanh Lãng, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đồng Chi,... và từ đây các khái niệm văn chương truyền khẩu, văn học bình dân mới bắt đầu dần dần được định danh lại là văn học dân gian.

Từ giữa thế kỉ XX, khuynh hướng tiếp cận folklore từ góc độ chính thể nghệ thuật dân gian của trường phái folklore Nga – Xô viết, trong đó thành tố ngữ văn dân gian được nhấn mạnh là một thực thể quyết định tồn tại folklore, đã ảnh hưởng trực tiếp vào giới nghiên cứu văn học Việt Nam. Có thể đây cũng chính là lí do của việc quan niệm folklore là văn nghệ dân gian, một loại hoạt động sinh hoạt văn nghệ tổng hợp của quần chúng lao động trong trạng thái tự nhiên giữa đời sống. Với quan niệm này, VHGD đã được xem là một thành tố hợp thành folklore. Tuy vậy, có thể nói, nhìn chung ở nước ta, cho đến trước năm 1975, VHGD vẫn được nghiên cứu trong hệ quy chiếu của văn học thành văn.

Phải đến những năm 80 của thế kỉ XX, sự giao lưu học thuật giữa các nhà nghiên cứu VHGD Việt Nam với khu vực và thế giới mới bắt đầu và ngày càng trở nên nhộn nhịp. Trường phái nhân học văn hoá Anh – Mĩ đã tạo nên những bước phát triển đột biến của khoa học VHGD Việt Nam. Quan niệm VHGD là gì và tác giả VHGD là ai được nhận thức lại trong rất nhiều những cuộc Hội thảo về văn hoá dân gian. Trong đó có một vấn đề đã trở thành trung tâm của những cuộc thảo luận: Folklore là gì?. Về xuất xứ từ nguyên, FOLKLORE là một thuật ngữ có nguồn gốc phương Tây, do nhà khảo cổ học người Anh William J. Thoms (ký tên là A. Krerton) sử dụng lần đầu tiên trong một bài báo công bố trên tạp chí *The Athenem* ở Luân Đôn năm 1846. Folklore có nghĩa từ nguyên là sự hiểu biết, là trí khôn, là trí tuệ nằm trong nhân dân nhưng nội hàm của nó trong bài báo trên lại rất rộng. Nó không chỉ gồm những di tích của nền văn hoá vật chất mà còn là những di tích của nền văn hoá tinh thần của nhân dân ở những thời đã qua, trong đó có văn hoá nghệ thuật. Điều đáng chú ý là trong khung cảnh thời ấy, ngay lập tức, thuật ngữ folklore đã được đồng loạt các nhà khoa học xã hội nhân văn sử dụng. Đến nay, đã có hàng trăm định nghĩa và quan niệm nông sâu, rộng hẹp khác nhau xung quanh thuật ngữ này xuất hiện. Những vấn đề đối tượng folklore học (*folkloristique*), góc độ tiếp cận, các khuynh hướng nghiên cứu, mối quan hệ giữa nó với các khoa học kề cận, xác định vị trí môn học folklore trong các khoa học đã không ngừng được đưa ra tranh luận và phản biện. Kết quả là sau đó folklore học đã hình thành các trường phái khác nhau: trường phái nhân chủng học văn hoá Anh – Mĩ và Mĩ Latinh; trường phái xã hội học Pháp, Ý, Bỉ và Tây Âu; trường phái ngữ văn

học Nga – Xô viết. Tuy vậy, có thể nói, giữa các trường phái vẫn có một điểm chung đó là quan niệm folklore là một bộ phận của văn hoá dân tộc và đều nhấn mạnh *trong một nền văn hoá truyền miệng, tất cả mọi thứ đều là folklore*. Đồng thời ở những mức độ khác nhau, tất cả họ đều gắn folklore với môi trường diễn xướng. Và họ đều nhất trí cho rằng *folklore học là một khoa học nghiên cứu về truyền thống*. Sự khác biệt giữa các trường phái chỉ là ở hướng tiếp cận theo những mục đích khác nhau và hệ quả của nó là sự lựa chọn và nhấn mạnh từng đối tượng, từng thành tố nghiên cứu có khác nhau. Từ giữa thế kỉ XX, khuynh hướng tiếp cận folklore học Nga – Xô viết, trong đó thành tố nghệ thuật ngữ văn dân gian được nhấn mạnh như một thực thể quyết định tồn tại folklore, đã ảnh hưởng trực tiếp vào giới nghiên cứu VHĐG Việt Nam. Đây là lí do của sự xuất hiện quan niệm folklore là văn nghệ dân gian. Và như trên đã nói, đến đầu thập kỉ 1980, quan niệm folklore là văn hoá dân gian cũng đã có lí do để nhanh chóng lan toả trên các diễn đàn học thuật. Năm 1983, Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian được thành lập. Từ đây, bên cạnh tạp chí *Nghiên cứu văn học*, tạp chí *Văn hoá dân gian* bắt đầu xuất hiện với những số đầu tiên tập trung thảo luận về quan niệm folklore là văn nghệ dân gian, văn hoá dân gian hay là văn học dân gian. Xét cho cùng, sự phức tạp như thế của các tranh luận bắt nguồn từ chính sự phức tạp của đối tượng nghiên cứu. Sáng tác ngữ văn dân gian có thể được đặt trong nội hàm của cả bấy nhiêu khái niệm kể trên mà vẫn có cơ sở hợp lí của nó. Gọi là văn học dân gian nếu chỉ chú ý đến thành tố folklore nghệ thuật ngôn từ; là văn nghệ dân gian nếu chú ý thêm cả yếu tố vũ, yếu tố nhạc trong đó; là văn hoá dân gian nếu quan tâm đến những thành phần phi nghệ thuật khác có quan hệ với tác phẩm và góp phần vào quá trình hình thành, tồn tại, lưu truyền và biến đổi của tác phẩm.

Do đó, có thể hiểu tương đối thống nhất về các thuật ngữ nói trên theo các quan niệm như sau:

Văn hoá dân gian tương ứng với khái niệm folklore theo nghĩa rộng, bao gồm toàn bộ các giá trị văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần được nhân dân sáng tạo, bảo tồn và lưu chuyển qua các thế hệ, trở thành các giá trị truyền thống của một dân tộc, trong đó có văn hoá nghệ thuật phi chính thống ở mọi thời đại.

Văn nghệ dân gian tương ứng với khái niệm folklore nghệ thuật, bao gồm các thành tố nghệ thuật ngữ văn dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian, nghệ thuật tạo hình dân gian trong tư cách là một hình thái ý thức xã hội đặc trưng của “nhận thức nguyên hợp” hợp thành chính thể các hoạt động sinh hoạt văn nghệ tổng hợp có tính truyền thống của nhân dân.

Văn học dân gian tương ứng với khái niệm folklore ngôn từ, là thành phần ngữ văn dân gian trong chính thể folklore nghệ thuật được tiếp cận dưới góc độ thẩm mỹ. Thực tiễn sức sống folklore nghệ thuật ở Việt Nam đến nay đã chứng tỏ thành phần ngữ văn dân gian là bộ phận cốt lõi (phần cứng) tương đối ổn định, dễ nắm bắt và có quá trình phát triển mạnh mẽ, lâu bền nhất của nghệ thuật diễn xướng dân gian. Nói cách khác, đó là các thể loại sáng tác dân gian có thành phần nghệ thuật ngôn từ được hình thành một cách lịch sử, có sự bền vững về phong cách, giữ vị trí quyết định sự tồn tại, lưu chuyển và biến đổi của folklore nghệ thuật nói chung trong đời sống văn hoá dân gian.

Trong nhà trường Việt Nam, thuật ngữ VHDG là định danh một môn học của khoa học ngữ văn. Có thể định nghĩa: Văn học dân gian cổ truyền là toàn bộ các thể loại sáng tác nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, được sáng tạo và không ngừng tái tạo lại theo phương thức tập thể qua nhiều đời chọn lọc và gọt giũa của nhân dân, có vị trí như một thành tố quan trọng trong chính thể văn hoá văn nghệ dân gian của cộng đồng dân tộc, có tính nguyên hợp.

II- ĐẶC TRƯNG CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN TRONG CÁI NHÌN CHÍNH THỂ

1. Tính nguyên hợp

Những thành tựu mới của khoa học VHDG trong sự so sánh với văn học viết trên cả hai phương diện bản chất xã hội và bản chất nghệ thuật đã khẳng định về bản chất VHDG vừa là văn học vừa là văn hoá. Một mặt, từ lí thuyết văn bản học và thi pháp học VHDG cho thấy văn học dân gian là một loại của nghệ thuật ngôn từ. Có thể nói các thể loại VHDG hoàn chỉnh như cổ tích, ca dao (trong sự phân biệt với dân ca) và truyện thơ dân gian hiển nhiên mang đặc trưng văn học ở dạng tồn tại cố định. Mặt khác, từ lí thuyết folklore học lại cho thấy VHDG còn là một thành tố của văn nghệ dân gian,

là một hiện tượng đặc biệt của văn hoá dân gian được sáng tạo một cách thâm mĩ, mang thuộc tính văn hoá, có các biểu hiện giá trị văn hoá.

Khi tìm hiểu các thể loại sử thi, thần thoại, truyền thuyết, tục ngữ, câu đố, vè,... rõ ràng thấy cái lí của sự tồn tại và phát triển của nó chủ yếu không phải từ lí do nghệ thuật mà từ lí do xã hội, chức năng chủ yếu của nó không phải chức năng thâm mĩ mà là chức năng sinh hoạt, thực hành xã hội. Thuộc tính đa chức năng, đa yếu tố (văn học và phi văn học) nổi bật trong thần thoại ở đầu nguồn văn hoá dân gian và trong chèo truyền thống ở đỉnh cao của nền văn nghệ dân gian là minh chứng hết sức tiêu biểu cho đặc trưng nguyên hợp của VHDG. Để nhận thức đúng đắn và sâu sắc đặc trưng bao trùm này của VHDG, phải xét từ đầu nguồn: VHDG của thời kì thị tộc, bộ lạc, hay còn gọi là VHDG của quá trình thứ nhất, trong góc nhìn thể loại, nó có tính chất phổ quát loại hình. Trong cấp độ này, có thể nhận ra rất rõ đặc trưng nguyên hợp của thể loại thần thoại. Sự ra đời của thần thoại có nguồn gốc sâu xa từ nhu cầu sinh tồn của con người trong hình thái kinh tế – xã hội nguyên thủy. Có nhu cầu tất nẩy sinh phát kiến, và chính các sáng tạo vô thức thần thoại đã mở đầu cơn khát nhận thức muôn thuở có tính nhân loại. Trong tồn tại mong manh đối diện với tự nhiên, con người thời đại thần thoại từng bước tự nhận thức và đối thoại với tự nhiên một cách tự phát. Kết quả thần thoại là nhân hoá tự nhiên để giải thích thế giới, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan được biểu hiện trong cảm hứng sùng bái và khát khao chinh phục. Nhưng thần thoại không chỉ là sự phỏng đoán bằng trí tuệ mù mờ thấp kém, thần thoại còn là sự hình dung và biểu hiện thế giới bằng hình tượng, là sự trình bày hồn nhiên, tự phát niềm tin và khát vọng có tính nhân bản. Cái kì vĩ, vô tư của thế giới các thần trong thần thoại đích thực tự nó được người đời sau cảm nhận ra những vẻ đẹp không thể bắt chước. Đó chính là cái nên thơ nguyên sơ thần thoại, là nghệ thuật nguyên thủy, là tôn giáo sơ khai, là văn hoá buổi đầu. Trong lòng nó chứa đựng vô số những tiền đề của nghệ thuật đời sau, của sử thi thần thoại, của truyền thuyết anh hùng, của cổ tích thần kì và thơ ca nghi lễ. Thần thoại là sản phẩm nghệ thuật được sáng tạo không tự giác bởi một “nhận thức nguyên hợp”. Trong quá trình không ngừng tác động vào ngoại giới của thực tiễn sáng tạo văn hoá, con người ngày càng có nhận thức ở những bậc cao hơn về môi trường, về thế giới nói chung và xã hội. “Cùng với quá trình ấy, lí tính

ngày càng phát triển. Và hoạt động lí tính gắn với thực tiễn ấy cũng trải qua các chặng đường từ nguyên hợp (*syncretique*) đến phân tích (*analytique*) rồi đến tổng hợp (*synthotique*)” [Đình Gia Khánh, *Văn hoá dân gian là một nghệ thuật nguyên hợp*, in trong *Văn hoá dân gian những lĩnh vực nghiên cứu*, Nhiều tác giả, NXB Khoa học xã hội, 1989, tr. 13]. Những nhận thức trải nghiệm phân tích và tổng hợp của con người tất nhiên sẽ phản ánh vào VHDG trong quá trình thứ hai. Đó là các thể loại VHDG của thời kì dân tộc trưởng thành cùng với sự xuất hiện gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước. Như một quy luật, trong quá trình tự ngã nhận thức về con người, văn hoá dân gian này sinh thân thoại; trong quá trình tự ngã nhận thức về tộc người và cộng đồng dân tộc, văn hoá dân gian này sinh sử thi và truyền thuyết anh hùng; trong quá trình tự ngã nhận thức về thân phận con người, văn hoá dân gian này sinh cổ tích, ca dao. Nhưng cổ tích là chuyện của ước mơ muôn thuở được hư cấu không định lượng, ca dao là tình người vĩnh cửu được dệt thêu không định danh, còn đời sống thì không ngừng vận động, ngày càng phức tạp và đa dạng trên cả hai chiều chính – tà, thiện – ác đan xen giữa những mảnh đời tối sáng. Vấn đề thân phận cá nhân được văn học viết định danh, định lượng, định tính trong các điển hình mang đậm cá tính sáng tạo nghệ sĩ và đến với công chúng thông qua sinh hoạt văn hoá đọc. Nhưng văn hoá đọc không dành cho các tầng lớp bình dân. Đời sống văn hoá dân gian vẫn diễn ra bèn bĩ và sôi động trong các hoạt động sinh hoạt văn nghệ tổng hợp. Thế giới nghệ thuật cổ tích chi thật sự đẹp lung linh trong ngữ cảnh văn hoá kể. Thế giới nghệ thuật ca dao chi thật sự động lòng người trong ngữ cảnh văn hoá hát. Câu ca dao “*Yêu nhau đứng ở đằng xa/ con mắt liếc lại bằng ba đứng gần*” chi thật sự được cảm nhận trọn vẹn cái hay, cái đẹp trong con mắt biết đưa tình với ai của người diễn xướng. Sự ra đời và hoàn thiện của thể loại chèo truyền thống nói riêng và loại hình kịch hát dân tộc nói chung cũng như sự xuất hiện thể loại truyện thơ trong sinh hoạt văn hoá nghệ thuật dân gian miền núi là các minh chứng chứng minh rằng: Những hoạt động sáng tác dân gian trong sự trải nghiệm phân tích và tổng hợp của nhân dân trong suốt thời kì chế độ phong kiến song hành cùng văn học viết không phá vỡ được tính nguyên hợp của văn học dân gian. Hơn thế, khảo cứu VHDG được sáng tác trong quá trình thứ hai, trải qua các thời đại đã có ngôn ngữ viết phát triển đa phong cách, vẫn nhận ra đặc trưng

nguyên hợp của VHGD trong quá trình vận động, lưu chuyển, biến đổi phức tạp và hết sức đa dạng. Đặc trưng nguyên hợp trong thần thoại, sử thi cổ sơ và các thể tài thơ ca nghi lễ cổ mới chỉ là một sự tổng hợp tự nhiên các chức năng tư tưởng hệ và văn hoá khác nhau trong sự đan lồng các hình thức lao động xã hội, sự kết dính hoạt động thực tiễn và sáng tạo nghệ thuật, phản ánh tồn tại folklore ngôn từ cổ sơ mới chính là sự giao tiếp có tính nghệ thuật trong một nhóm xã hội có giới hạn. Tìm hiểu đặc trưng nguyên hợp trong các thể loại tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích và những bài ca trữ tình dân gian, còn phải xem xét nó trong tất cả các mối quan hệ giữa các thành tựu thẩm mỹ của những thế hệ ở những thời đại khác nhau và giữa những địa phương khác nhau, quan hệ giữa các thành tố nghệ thuật đã từng được phân xuất nay lại có cơ hội được thu hút vào một tác phẩm mới trong quá trình sáng tạo nghệ thuật hình thành một thể loại mới... Thế nên folklore nghệ thuật ngôn từ được sáng tạo và hoàn thiện trong quá trình song hành với văn học viết vẫn là một hệ thống thẩm mỹ độc lập với văn học viết, bao gồm tất cả các thể loại sáng tác truyền miệng mang tính biểu đạt theo lối cổ truyền, tồn tại trong diễn xướng và được sự thừa nhận của nhân dân trong quá trình “chọn lọc tập thể”, sống trong kí ức chung của cả cộng đồng và trở thành kỉ niệm riêng của cả một dân tộc.

Nhận thức được đúng đắn, đầy đủ và sâu sắc đặc trưng nguyên hợp của VHGD trong tất cả các biểu hiện của VHGD giữa đời sống, từ hoạt động sáng tác, hoạt động trình diễn đến hoạt động tiếp nhận, là một yêu cầu có tính nguyên tắc đối với mọi lĩnh vực nghiên cứu của khoa văn học dân gian.

2. Tính truyền miệng

Xét từ đầu nguồn, văn học dân gian được truyền miệng qua hàng ngàn năm, từ thời kì dân tộc chưa có chữ viết. Sự truyền miệng các sáng tác nghệ thuật ngôn từ của nhân dân đã trở thành tập quán sinh hoạt, là một nhu cầu văn hoá tự nhiên mà văn học viết không thể thay thế. Trải qua hàng ngàn năm tồn tại song hành với văn học viết, trong các di sản VHGD truyền miệng được ghi chép lại chắc chắn có không ít những sáng tác văn học dân gian của các nho sĩ, các trí thức. Đó là kết quả của quá trình dân gian hoá có tính quy luật: Những tác phẩm ấy phải là những tác phẩm được sáng tác theo phong cách dân gian, mang tính biểu đạt theo lối cổ truyền. Nó chỉ trở